

Số: 01 /KH- KHOA PHỤ - SẢN

Yên Lạc, ngày 20 tháng 3 năm 2019

KẾ HOẠCH

Cải tiến chất lượng khoa Phụ - Sản năm 2019

Căn cứ Thông tư số 19/2013/TT-BYT ngày 12/7/2013 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn quản lý chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh tại bệnh viện.

Căn cứ Quyết định số 6858/QĐ-BYT Ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc Ban hành Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện Việt Nam;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và kết quả hoạt động của Khoa thực hiện trong năm 2018 cũng như mục tiêu nhằm tiếp tục phấn đấu đảm bảo Tiêu chí chất lượng Trung tâm. Khoa Phụ - Sản xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng năm 2019 cụ thể như sau:

I. Mục tiêu:

1. Mục tiêu chung:

Hoàn thành xuất sắc kế hoạch hoạt động, phấn đấu khoa đạt tiêu chuẩn đơn vị xuất sắc.

2. Mục tiêu về chất lượng:

Tổ chức thực hiện và tham gia phối hợp với các khoa, phòng, tổ chất lượng Trung tâm, nhằm hoàn thành tốt các nội dung cải tiến chất lượng Trung tâm.

II. Xác định vấn đề/thực trạng cần cải tiến.

Để xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng triển khai thực hiện trong năm 2019. Khoa Phụ - Sản căn cứ vào các kết quả đã đạt được năm 2018: đạt 12 điểm, tăng 01 điểm so với năm 2017, đạt 60% (12/20), trong đó gồm 02 mức 2 và 02 mức 4 (không có mức 1).

Đây là mặt thuận lợi nhưng cũng có khó khăn nhất định như nhân sự chủ yếu kiêm nhiệm thêm công tác, môi trường áp lực làm ảnh hưởng đến tiến độ cải tiến chất lượng và các hoạt động hàng ngày của Khoa. Trong năm 2019 Khoa Phụ - Sản phấn đấu kiện toàn và duy trì chất lượng tiêu chí được phân công phụ trách.

1. Đánh giá chung:

1.1. Ưu điểm: Để đạt được kết quả nêu trên, Khoa Phụ- Sản rút ra một số kinh nghiệm như sau:

- Lập kế hoạch hoạt động năm mới ngay sau khi Sở Y Tế kiểm tra, nhằm ghi nhận lại tất cả các góp ý và hướng dẫn của đoàn kiểm tra tạo tiền đề xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng của Khoa cho năm kế tiếp.

- Cử cán bộ tham gia đầy đủ các lớp tập huấn để cập nhật thông tin và trao đổi kinh nghiệm với các bạn đồng nghiệp.

- Phân công cán bộ chi tiết từng nội dung hoạt động và có kiểm tra, giám sát nhiệm vụ đã phân công.

1.2. Hạn chế:

- Nhân lực: Năm 2019, 01 BS đã cử đi đào tạo sơ bộ, ưu tiên nhiệm vụ trọng trách phát triển của khoa đã tự ý bỏ việc. Một số cán bộ khác đang trong giai đoạn đào tạo, còn thiếu nhân lực có chuyên sâu. Hoạt động chất lượng lồng ghép, công việc chuyên môn của khoa nhiều không có thời gian nghiên cứu văn bản, vì vậy chưa sâu sát trong quá trình tổ chức, triển khai thực hiện nhiệm vụ về chất lượng Trung tâm.

- Trang thiết bị: Năm 2018 được Sở y tế đầu tư máy soi CTC, nhưng còn rất cần được đầu tư thêm máy móc hiện đại, máy siêu âm còn phải sửa chữa nhiều.

2. Những thuận lợi:

- Khoa Phụ - Sản được sự quan tâm, Ban giám đốc luôn tạo điều kiện để Khoa hoạt động đạt hiệu quả cao.

- Các Khoa, Phòng chức năng và các Hội Đồng (HĐ CLBV; HĐT & ĐT, HĐ KHCVN) luôn hỗ trợ trong công tác chuyên môn.

- Khoa Phụ - Sản với đội ngũ trẻ, năng động và sáng tạo rất nhiệt tình trong công tác được giao luôn có tinh thần trách nhiệm cao khi thực hiện nhiệm vụ.

3. Những khó khăn:

- Khoa Phụ - Sản chưa nâng mức chất lượng Trung tâm (do các yếu tố khách quan) như sau:

+ **E1.1 đang ở mức 2:** Nhưng chưa đào tạo Tỷ lệ hộ sinh có trình độ cử nhân trở lên chưa đạt ít nhất 30% tổng số hộ sinh của khoa sản.

+ **E2.1 đang ở mức 2:** Nhưng chưa có bác sỹ chuyên khoa nhi cấp I ; Tỷ lệ điều dưỡng có trình độ cử nhân trở lên chưa đạt ít nhất 30% tổng số điều dưỡng của khoa nhi.

III. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG; TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ CÁC GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI:

1. Tình hình nhân lực, công tác tổ chức, quản lý khoa:

❖ Hiện tại số lượng, cơ cấu nhân lực:

- Số lượng: hiện tại có 11 nhân lực.
- Cơ cấu cán bộ: BSCKI: 01; BSĐK: 02; CNHS:01; HSTH: 06
- Hiện tại còn thiếu cần bổ sung: 01BSCKI

❖ Mô hình tổ chức khoa:

- Kiện toàn nhóm hỗ trợ bà mẹ nuôi con bằng sữa mẹ hoạt động thường xuyên. Phân công CB chuyên trách tư vấn NCBSM.

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế:

2.1. Cơ sở vật chất:

- Hiện tại khoa có: 20 giường; 20 tủ đầu giường; 01 tủ đựng đồ cho BN, cơ bản đáp ứng nhu cầu phục vụ, chăm sóc người bệnh, đảm bảo người bệnh không phải nằm giường ghép, có nước nóng, lạnh phục vụ cho người bệnh, cũng như

một số dụng cụ sinh hoạt cá nhân. Buồng bệnh vệ sinh đảm bảo sạch sẽ, có đầy đủ bồn rửa tay, móc treo quần áo, vòi tắm hoa sen, tuy nhiên để nâng cao chất lượng phục vụ người bệnh khoa có nhu cầu cung cấp thêm một giường bệnh đa năng.

2.2. Dụng cụ, trang thiết bị y tế:

- Hiện tại khoa có tương đối đầy đủ máy móc, TTBYT đảm bảo hoạt động chuyên môn, nhưng đối với dụng cụ phẫu thuật Sản – Phụ vẫn dùng chung nhà mổ với khoa ngoại – GMHS. Năm 2017 lắp bổ sung 06 còi báo động tại đầu giường của BN hỗ trợ người bệnh gọi BS khi cần.

- Để cải tiến chất lượng khoa cần mua sắm bổ sung dụng cụ phẫu thuật riêng và 05-10 ghế ngồi chờ cho BN. Sửa chữa, thay thế bóng đèn,...

3. Công tác tổ chức triển khai các hoạt động chuyên môn:

3.1. Đảm bảo thực hiện chất lượng của khoa.

Những nội dung cần phối hợp để hoàn thiện, duy trì và giữ vững:

Danh mục	Nội dung thực hiện	Đạt 2018- duy trì 2019	Người thực hiện	Đơn vị phối hợp	Dự kiến hoàn thành
E1.1	<p>1. Thiết lập hệ thống tổ chức chăm sóc sản khoa và sơ sinh.</p> <p>2. Có bác sỹ chuyên khoa sản.</p> <p>3. Hộ sinh trung cấp trở lên.</p> <p>4. Có phòng khám phụ khoa riêng với đầy đủ các trang thiết bị cơ bản (theo quy định của Bộ Y tế).</p> <p>5. Có phòng thủ thuật riêng biệt.</p>	M2	Trưởng khoa	TC-HC	Quý 1
E1.2	Hoạt động truyền thông về sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ, trẻ em	M4	ĐD Trưởng khoa	KHĐD	Quý 1
Mức 2	1. Có tranh ảnh, tờ rơi tuyên truyền về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ, trẻ em tại phòng khám và các khoa sản ; đặt ở vị trí dễ quan sát cho người bệnh và người nhà người bệnh.				
Mức 3	<p>2. Sổ tư vấn về sức khỏe sinh sản và chăm sóc trước sinh, sau sinh, chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ nhỏ cho phụ nữ mang thai.(Lồng ghép Sổ tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ) E1.3</p> <p>3. Có bảng thông tin* và truyền thông về sức khỏe sinh sản và chăm sóc trước sinh, sau sinh đặt tại phòng khám, chỗ dễ quan sát cho người bệnh và người thăm/nuôi người bệnh.</p>				
Mức 4	<p>4. Có hộp phát tờ rơi miễn phí truyền thông về sức khỏe sinh sản và chăm sóc trước sinh, sau sinh...</p> <p>5. QĐ phân công CB tư vấn kiêm nhiệm/chuyên trách về sức khỏe sinh sản và chăm sóc trước sinh, sau sinh, trình độ từ cao đẳng/cử nhân điều dưỡng trở lên hoặc bác sỹ.</p> <p>6. Có phòng tư vấn về sức khỏe sinh sản và chăm sóc trước sinh, sau sinh.</p>				

	<p>7. Có tài liệu cho các lớp học tiền và hậu sản cung cấp cho các đối tượng phụ nữ, người nhà người bệnh (trong đó có nội dung hướng dẫn nuôi con bằng sữa mẹ).</p> <p>8. Kế hoạch tổ chức lớp học tiền sản định kỳ cho phụ nữ mang thai, bà mẹ cho con bú 1 lần/tháng. Danh sách cấp tài liệu cho các học viên (hướng dẫn nuôi con bằng sữa mẹ, ăn bổ sung hợp lý ...)</p>				
E1.3	Thực hành tốt nuôi con bằng sữa mẹ	M4	Trưởng khoa	TCHC + KHDD	Quý 2
Mức 2	<p>1. Quy định về việc thực hiện 10 điều kiện nuôi con bằng sữa mẹ, được treo ở những nơi dễ quan sát.</p> <p>2. Khoa sản, nhi lưu bài tuyên truyền, hướng dẫn các bà mẹ không sử dụng bình bú, sữa thay thế sữa mẹ cho trẻ dưới 24 tháng nếu không có chỉ định của bác sỹ.</p> <p>3. Báo cáo tình hình thực hiện cắt rốn chậm, da kề da, bú sớm trong 1 giờ đầu sau sinh (đạt tối thiểu 50%).</p> <p>4. Báo cáo tỷ lệ trẻ sơ sinh tại khoa sản được "bú mẹ hoàn toàn"* từ 50% trở lên.</p>				
Mức 3	<p>5. KH và Danh sách CB khoa sản được tập huấn về tư vấn và hỗ trợ bà mẹ nuôi con bằng sữa mẹ chiếm từ 80% trở lên.</p> <p>6. Lưu các hình ảnh tuyên truyền về nuôi con bằng sữa mẹ, được treo ở nơi dễ quan sát.</p> <p>7. Sổ tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ (Ký tên người tư vấn và giám sát).E1.2</p> <p>8. Triển khai ghi thông tin về tình hình trẻ bú mẹ vào phiếu chăm sóc bệnh án.</p> <p>9. Sổ theo dõi tình hình thực hành NCBSM, bao gồm trẻ đẻ thường và mổ đẻ.</p> <p>10. Báo cáo tình hình thực hiện tỷ lệ SP đẻ thường được cắt rốn chậm, bú sớm trong 1 giờ đầu sau sinh, mẹ nằm cùng con suốt 24 giờ đạt 80%. Bú mẹ hoàn toàn 70%. (ngoại trừ các trường hợp có chỉ định của bác sỹ không được nằm cùng).</p> <p>11. Báo cáo tình hình thực hiện tính tỷ lệ SP mổ đẻ được cắt rốn chậm, bú sớm trong 1 giờ đầu sau sinh 30%.</p>				
Mức 4	12.9. Có tổ chức lớp học tiền sản định kỳ cho phụ nữ mang thai, bà mẹ cho con bú và các đối tượng khác mỗi tháng 1 lần				
E2.1	Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức chăm sóc nhi khoa	M2	Trưởng khoa	TCHC + KHDD	Quý 1
Mức 2	<p>1. BS chuyên khoa nhi (chuyên khoa sơ bộ/định hướng hoặc cao hơn).</p> <p>2. Danh sách cán bộ khoa nhi trong đó Tỷ lệ điều dưỡng được đào tạo về nhi chiếm từ 30% tổng số điều dưỡng của khoa.</p>				

3.2. Xây dựng chỉ số chất lượng thực hiện của khoa.

1. Xây dựng và áp dụng ít nhất 1 bảng kiểm tránh sai sót, nhằm lẫn trong cung cấp dịch vụ.

2. Không xảy ra các sự cố y khoa gây ảnh hưởng đến tính mạng người bệnh.

3.3. Công tác chuyên môn thực hiện tại khoa.

- Tổng số lượt bệnh nhân điều trị năm 2018 là 1.100; Dự kiến thực hiện năm 2019 là 1100 lượt bệnh nhân.

- Số ngày điều trị: Dự kiến thực hiện năm 2019 là 4950 ngày.

- Ngày điều trị trung bình là 4,5 ngày.

3.4. Công tác nghiên cứu khoa học thực hiện tại khoa.

- Điều dưỡng: 1 đề tài dự kiến tháng 10/2018 báo cáo

3.5. Công tác đào tạo của khoa.

❖ *Đối với đào tạo liên tục và tập huấn chuyên môn:* Tham gia đầy đủ về số lượng, thành phần cán bộ tại các buổi tập huấn, đào tạo do TTYT tổ chức cũng như tuyên trên triệu tập đảm bảo 12 giờ/1 cán bộ/năm.

❖ *Đối với đào tạo chuyên khoa:*

- Hiện tại đang đào tạo Bác sỹ chuyên khoa cấp 1 về sản khoa.

- Tiếp tục đào tạo hộ sinh đại học được cấp chứng chỉ năm 2019.

3.6. Tham gia các phong trào của Công đoàn, Đoàn TN, Nữ công.

Tham gia đầy đủ các phong trào, hoạt động do Công đoàn, Đoàn thanh niên TTYT phát động như:

- Hiến máu nhân đạo do công đoàn tổ chức: 02 cán bộ tham gia.

- Tham gia đầy đủ các phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao kỷ niệm các ngày lễ lớn do Trung tâm Y tế tổ chức như 27/2; 08/3; 02/9; 20/10 và tham gia lễ hội đầu xuân.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN:

Phòng KTTC hướng dẫn khoa xây dựng kế hoạch dự trù kinh phí đảm bảo thực hiện các hoạt động của khoa, nhằm thực hiện tốt nội dung kế hoạch chất lượng Trung tâm.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Đối với nội dung chất lượng của khoa:

Căn cứ vào bản mô tả vị trí việc làm cũng như Quy chế hoạt động của khoa. Từng cá nhân cán bộ ở các vị trí đã được trưởng khoa phân công cụ thể, bám sát vào nội dung kế hoạch tiêu chí chất lượng của khoa, cố gắng phối hợp tốt với các khoa, phòng để duy trì, giữ vững những mức điểm đã hoàn thành năm 2018 và gắng phấn đấu duy trì giữ vững chất lượng năm 2019

2. Đối với những nội dung công tác khác.

Từng cán bộ chủ động hoàn thiện nhiệm vụ đã được phân công.

Phối hợp chặt chẽ với các khoa, phòng chức năng cũng như các tổ chức như Công Đoàn, Đoàn TN... để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

VI. KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT: Để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao khoa Phụ - Sản kiến nghị với Giám đốc Trung tâm y tế quan tâm chỉ đạo các bộ phận chức năng một số vấn đề như sau:

1. Đối với tình hình nhân lực, cơ sở vật chất: Đề nghị phòng tổ chức hành chính duy tu sửa chữa cơ sở vật chất định kỳ.

2. Đối với trang thiết bị y tế: Đề nghị khoa dược- KSNK-TBYT cung ứng bổ sung dụng cụ phẫu thuật riêng và 05-10 ghế ngồi chờ cho BN. Sửa chữa, thay thế bóng đèn...

3. Đối với công tác văn bản chỉ đạo: Đề nghị phòng kế hoạch điều dưỡng hướng dẫn, phối hợp chặt chẽ trong quá trình tổ chức thực hiện.

4. Đối với tình hình tài chính: Đề nghị phòng kế toán tài chính hướng dẫn khoa hạch toán, khoán phù hợp đảm bảo đúng nguyên tắc, quy chế.

Trên đây là kế hoạch cải tiến chất lượng năm 2019 của khoa Phụ- Sản, từng viên chức lao động trong khoa dưới sự điều hành của Trưởng khoa căn cứ vào kế hoạch nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Ban GD, HĐCLBV: (B/c);
- Tổ QLCL: (P/h);
- Lưu khoa, VT,

**PHÓ CT. HĐTT QLCLTT
PHÓ GIÁM ĐỐC TTYT**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Hiếu

**TRƯỞNG KHOA
SẢN - PHỤ**

(Đã ký)

Phạm Thị Thu Hồng